

# **Công ty Cổ phần Bibica**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

(

# Công ty Cổ phần Bibica

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 33

# Công ty Cổ phần Bibica

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bibica (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103010755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 10/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2001.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 443, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Jung Woo Lee	Chủ tịch
Ông Trương Phú Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Võ Ngọc Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên
Ông Jeong Hoon Cho	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Cường	Trưởng ban
Ông Hur Jin Kook	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Phú Chiến	Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Võ An	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Phú Chiến.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Bibica

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trương Phú Chiến  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015



Số tham chiếu: 60820469/17065633-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Bibica**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bibica và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập vào ngày 20 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Tuy không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 7 của báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày về việc một phần nhà xưởng và dây chuyền sản xuất của Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông, công ty con của Công ty đã bị hư hại do vụ hỏa hoạn ngày 15 tháng 5 năm 2011. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty đang ghi nhận một khoản phải thu từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí ("PVI") với số tiền là 126.588.275.371 VNĐ liên quan đến các chi phí khôi phục và sửa chữa nhà xưởng và dây chuyền sản xuất. Cho đến ngày của báo cáo này, Nhóm Công ty và PVI vẫn chưa đi đến thống nhất về số tiền bồi thường. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng số tiền bồi thường trên sẽ được chi trả toàn bộ bởi PVI theo các điều khoản trong hợp đồng bảo hiểm số 10/15/15/TSKT/PC00867 được ký ngày 15 tháng 6 năm 2010. Thêm vào đó, vào ngày 31 tháng 7 năm 2012, Nhóm Công ty cũng đã đệ trình đơn kiện PVI lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ("Tòa án") để giải quyết việc bồi thường này. Kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện vẫn chưa được xác định do Tòa án chưa có phán quyết cuối cùng tại ngày của báo cáo này.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến việc bồi hoàn bảo hiểm đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 28 tháng 2 năm 2014.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Lê Thị Tuyết Mai  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1575-2013-004-1



Tô Phụng Vũ  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2267-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>572.945.242.017</b>	<b>449.825.587.383</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>252.205.941.806</b>	<b>151.707.165.726</b>
111	1. Tiền		46.828.441.806	36.637.251.236
112	2. Các khoản tương đương tiền		205.377.500.000	115.069.914.490
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>37.228.658.632</b>	<b>16.814.849.332</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		39.897.513.746	19.897.513.746
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.668.855.114)	(3.082.664.414)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>192.567.618.950</b>	<b>190.694.002.290</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	62.416.751.048	45.620.756.135
132	2. Trả trước cho người bán		1.352.642.200	398.060.568
135	3. Các khoản phải thu khác	7	134.244.167.387	150.715.753.889
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7	(5.445.941.685)	(6.040.568.302)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>86.737.124.976</b>	<b>87.595.585.182</b>
141	1. Hàng tồn kho		88.804.155.783	90.251.456.778
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.067.030.807)	(2.655.871.596)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.205.897.653</b>	<b>3.013.984.853</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.744.142.620	2.554.734.730
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		799.938.575	24.732.746
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	661.816.458	434.517.377
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>320.181.921.825</b>	<b>357.230.720.675</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>279.026.588.822</b>	<b>314.282.837.961</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	271.940.016.428	304.232.125.541
222	Nguyên giá		582.389.574.437	577.464.478.101
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(310.449.558.009)	(273.232.352.560)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	5.810.505.607	1.425.368.987
228	Nguyên giá		8.994.486.943	4.065.288.785
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.183.981.336)	(2.639.919.798)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.276.066.787	8.625.343.433
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>41.155.333.003</b>	<b>42.947.882.714</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	39.794.165.473	42.151.164.820
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.2	1.329.167.530	796.717.894
268	3. Tài sản dài hạn khác		32.000.000	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>893.127.163.842</b>	<b>807.056.308.058</b>


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>251.949.790.138</b>	<b>212.175.276.855</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>240.574.058.431</b>	<b>210.704.660.855</b>
312	1. Phải trả người bán		66.425.557.466	68.005.785.459
313	2. Người mua trả tiền trước		4.768.925.813	3.987.574.542
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	18.130.912.856	15.140.423.415
315	4. Phải trả người lao động		8.073.859.020	6.929.373.518
316	5. Chi phí phải trả	16	81.718.849.444	75.452.891.862
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	57.917.665.821	39.894.332.819
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.538.288.011	1.294.279.240
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>11.375.731.707</b>	<b>1.470.616.000</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	18	11.375.731.707	1.470.616.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>641.177.373.704</b>	<b>594.881.031.203</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19.1</b>	<b>641.177.373.704</b>	<b>594.881.031.203</b>
411	1. Vốn cổ phần		154.207.820.000	154.207.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		302.726.583.351	302.726.583.351
417	3. Quỹ đầu tư và phát triển		112.009.776.990	90.122.557.514
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		15.100.719.393	12.856.710.622
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		57.132.473.970	34.967.359.716
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>893.127.163.842</b>	<b>807.056.308.058</b>

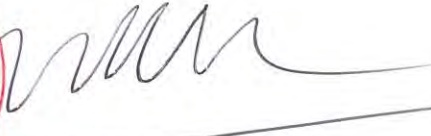
**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (US\$)	1.808.936	189.622
- Euro (EUR)	317	788

  
Phạm Thị Thanh Hương  
Người lập

  
Ngô Thị Kim Phụng  
Kế toán trưởng



  
Trương Phú Chiến  
Tổng Giám đốc


Ngày 20 tháng 3 năm 2015



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	1.132.668.949.292	1.059.258.875.844
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(5.954.823.864)	(6.296.256.821)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	1.126.714.125.428	1.052.962.619.023
11	4. Giá vốn hàng bán		(735.529.679.300)	(721.264.092.735)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		391.184.446.128	331.698.526.288
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	8.886.415.568	3.235.685.123
22	7. Chi phí tài chính	21	269.327.596	166.055.238
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(167.228.979)
24	8. Chi phí bán hàng		(236.997.263.559)	(233.713.956.801)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(71.584.351.680)	(42.881.468.314)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		91.758.574.053	58.504.841.534
31	11. Thu nhập khác	23	4.625.695.554	4.364.924.649
32	12. Chi phí khác	23	(20.289.253.209)	(5.565.208.433)
40	13. Lỗ khác	23	(15.663.557.655)	(1.200.283.784)
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		76.095.016.398	57.304.557.750
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(18.834.645.562)	(13.221.100.226)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	24.2	532.449.636	796.717.894
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		57.792.820.472	44.880.175.418
70	18. Lãi trên cổ phiếu	26		
	- Lãi cơ bản		3.748	2.910
	- Lãi suy giảm		3.748	2.910

  
Phạm Thị Thanh Hương  
Người lập

  
Ngô Thị Kim Phụng  
Kế toán trưởng

  
  
Trương Phú Chiến  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>76.095.016.398</b>	<b>57.304.557.750</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		40.362.026.936	40.775.275.493
03	Các khoản dự phòng		(1.597.276.706)	(2.537.400.327)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	20.2, 21	(166.977.780)	7.908.429
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.407.216.524)	(2.108.508.959)
06	Chi phí lãi vay	21	-	167.228.979
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>110.285.572.324</b>	<b>93.609.061.365</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(2.305.353.843)	10.924.940.515
10	Giảm hàng tồn kho		1.447.300.995	32.094.558.804
11	Tăng các khoản phải trả		34.317.527.126	21.776.721.432
12	Giảm chi phí trả trước		2.167.591.457	400.398.432
13	Tiền lãi vay đã trả		-	(167.228.979)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	24.1	(16.337.728.756)	(10.122.886.932)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.330.384.000	4.275.788.786
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.620.322.140)	(939.331.877)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>130.284.971.163</b>	<b>151.852.021.546</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(8.857.244.653)	(7.911.179.880)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	23	-	163.627.274
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		30.000.000.000	-
25	Chi tiền gửi có kỳ hạn		(50.000.000.000)	(15.000.000.000)
27	Lãi tiền gửi nhận được		8.158.683.380	1.571.559.441
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(20.698.561.273)</b>	<b>(21.175.993.165)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay nhận được		-	770.330.010
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(1.498.064.615)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(9.281.433.180)	(27.728.443.620)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(9.281.433.180)</b>	<b>(28.456.178.225)</b>



BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		100.304.976.710	102.219.850.156
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		151.707.165.726	49.471.255.612
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		193.799.370	16.059.958
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	252.205.941.806	151.707.165.726



Phạm Thị Thanh Hương  
Người lập



Ngô Thị Kim Phụng  
Kế toán trưởng



Trương Phú Chiến  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bibica (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103010755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 10/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2001.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 443, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.831 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.882).

***Cơ cấu tổ chức***

Công ty có hai (2) công ty con sở hữu 100% vốn như sau:

***Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông (“Bibica Miền Đông”)***

Bibica Miền Đông là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4604000132 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 21 tháng 9 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Bibica Miền Đông là sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát. Trụ sở đăng ký và nhà máy của Bibica Miền Đông được đặt tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

***Công ty Bibica Miền Bắc TNHH (“Bibica Miền Bắc”)***

Bibica Miền Bắc là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 052041000044 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên cấp ngày 25 tháng 10 năm 2007. Hoạt động đăng ký của Bibica Miền Bắc là sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát. Trụ sở đăng ký của Bibica Miền Bắc được đặt tại Đường số 206, Khu B, Khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Bibica Miền Bắc hiện đang trong giai đoạn chờ duyệt phương án xây dựng và phát triển dự án.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VNĐ.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |   |
|---|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ        | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được hao mòn do thời gian sử dụng là lâu dài.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 5 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 12 năm
Tài sản cố định khác	4 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán vào chi phí khi phát sinh.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí thuê đất dài hạn.

*Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng*

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng liên quan đến khu đất nơi nhà máy của Bibica Miền Đông tọa lạc tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Khoản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong năm theo thời hạn thuê là 40 năm từ ngày 31 tháng 8 năm 2009 đến ngày 31 tháng 8 năm 2049.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí trả trước (tiếp theo)**

*Chi phí thuê đất dài hạn*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện số dư chưa phân bổ hết của số tiền mà Nhóm Công ty trả trước cho việc thuê đất tại khu đất nơi nhà máy của Công ty tọa lạc tại Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội trong thời hạn 25 năm từ ngày 9 tháng 1 năm 2002 đến ngày 9 tháng 1 năm 2027 và khu đất nơi Bibica Miền Bắc tọa lạc tại Đường số 206, Khu B, Khu Công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam trong thời hạn 45 năm từ ngày 3 tháng 4 năm 2009 đến ngày 15 tháng 1 năm 2054. Theo Thông tư số 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.9 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các tác nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.15 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản phải thu hay các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

*Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	109.702.484	173.178.703
Tiền gửi ngân hàng	46.718.739.322	36.464.072.533
Các khoản tương đương tiền	205.377.500.000	115.069.914.490
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>252.205.941.806</b>	<b>151.707.165.726</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất theo lãi suất tiền gửi đang áp dụng.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	35.000.000.000	15.000.000.000
Đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết (**)	4.897.513.746	4.897.513.746
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.897.513.746</b>	<b>19.897.513.746</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.668.855.114)	(3.082.664.414)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>37.228.658.632</b>	<b>16.814.849.332</b>

(\*) Số tiền này thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất theo lãi suất tiền gửi đang áp dụng.

(\*\*) Chi tiết các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	90.771	2.305.557.333	90.771	2.305.557.333
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	41.134	975.259.756	41.134	975.259.756
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	34.832	766.727.922	30.289	766.727.922
Công ty Cổ phần Hóa An	15.750	684.881.000	15.750	684.881.000
Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công	9.726	164.448.732	9.726	164.448.732
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	8	467.558	8	467.558
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	2	99.773	2	99.773
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	2	71.672	2	71.672
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>192.225</b>	<b>4.897.513.746</b>	<b>187.682</b>	<b>4.897.513.746</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	60.630.582.369	45.369.869.355
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	<u>1.786.168.679</u>	<u>250.886.780</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>62.416.751.048</b>	<b>45.620.756.135</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(1.414.622.524)</u>	<u>(1.301.149.141)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>61.002.128.524</u></b>	<b><u>44.319.606.994</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị tổn thất và chi phí khôi phục nhà máy và dây chuyền sản xuất (*)	126.588.275.371	142.060.978.241
Khác	<u>7.655.892.016</u>	<u>8.654.775.648</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>134.244.167.387</b>	<b>150.715.753.889</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(4.031.319.161)</u>	<u>(4.739.419.161)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>130.212.848.226</u></b>	<b><u>145.976.334.728</u></b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số tiền này thể hiện giá trị đã được điều chỉnh liên quan đến chi phí tổn thất, chi phí sửa chữa và khôi phục một phần nhà máy và dây chuyền sản xuất thực tế đã phát sinh trong những năm trước của Bibica Miền Đông đã bị hư hại do vụ hỏa hoạn vào ngày 15 tháng 5 năm 2011 mà Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng sẽ được bồi thường toàn bộ bởi Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí ("PVI") theo các điều khoản trong hợp đồng bảo hiểm số 10/15/15/TSKT/PC00867 được ký ngày 15 tháng 6 năm 2010 và dựa vào báo cáo thẩm định được cung cấp bởi PVI vào ngày 2 tháng 12 năm 2013 và thư đề xuất phương án xử lý giá trị bồi thường từ Luật sư của Công ty vào ngày 11 tháng 6 năm 2014.

Liên quan đến số tiền này, Công ty đã gửi Công văn số 00577/BBC ngày 5 tháng 6 năm 2012 đến PVI đề nghị thanh toán cũng như đã có nhiều cuộc thảo luận với PVI, nhưng chưa đi đến thống nhất về giá trị bồi thường. Ngoài ra, Công ty cũng đã tiến hành các thủ tục và gửi đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ("Tòa án") vào ngày 31 tháng 7 năm 2012. Cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án vẫn đang trong thời gian xem xét hồ sơ để xử lý và bản án chính thức chưa được phát hành, do vậy, kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện vẫn chưa được xác định.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	32.374.747.583	31.571.875.895
Nguyên liệu, vật liệu	45.062.003.435	50.813.871.425
Công cụ, dụng cụ	6.571.905.942	6.741.667.269
Hàng mua đang đi đường	2.808.795.297	-
Hàng hóa	652.359.331	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.334.344.195	1.124.042.189
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.804.155.783</b>	<b>90.251.456.778</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.067.030.807)	(2.655.871.596)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>86.737.124.976</b>	<b>87.595.585.182</b>

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.655.871.596	2.253.355.401
Dự phòng trích lập trong năm	527.066.857	402.516.195
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.115.907.646)	-
Số cuối năm	2.067.030.807	2.655.871.596

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.989.821.633	1.718.477.975
Phí bảo hiểm	348.177.488	336.723.403
Chi phí khác	406.143.499	499.533.352
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.744.142.620</b>	<b>2.554.734.730</b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	656.416.458	387.012.236
Tài sản ngắn hạn khác	5.400.000	47.505.141
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>661.816.458</b>	<b>434.517.377</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VND
Số đầu năm	124.725.894.314	429.618.538.149	12.541.985.137	10.394.365.342	183.695.159	577.464.478.101
Tăng trong năm	541.007.504	5.626.111.565	-	1.430.984.000	-	7.598.103.069
<i>Trong đó:</i>						
Mua mới	-	1.086.865.100	-	-	-	1.086.865.100
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	541.007.504	4.539.246.465 (2.019.647.441)	-	1.430.984.000 (189.220.816)	-	6.511.237.969 (2.673.006.733)
Số cuối năm	125.266.901.818	433.225.002.273	12.077.846.661	11.636.128.526	183.695.159	582.389.574.437
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	3.359.093.912	116.392.914.722	1.966.981.314	3.493.670.720	-	125.212.660.668
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	(42.963.934.401)	(216.620.423.583)	(7.291.320.750)	(6.263.249.760)	(93.424.066)	(273.232.352.560)
Khấu hao trong năm	(6.268.899.335)	(31.211.859.515)	(1.298.162.392)	(1.014.946.047)	(24.098.109)	(39.817.965.398)
Thanh lý	-	2.019.647.441	391.891.692	189.220.816	-	2.600.759.949
Số cuối năm	(49.232.833.736)	(245.812.635.657)	(8.197.591.450)	(7.088.974.991)	(117.522.175)	(310.449.558.009)
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	81.761.959.913	212.998.114.566	5.250.664.387	4.131.115.582	90.271.093	304.232.125.541
Số cuối năm	76.034.068.082	187.412.366.616	3.880.255.211	4.547.153.535	66.172.984	271.940.016.428



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	256.080.000	3.809.208.785	4.065.288.785
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	-	4.929.198.158	4.929.198.158
Số cuối năm	<u>256.080.000</u>	<u>8.738.406.943</u>	<u>8.994.486.943</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	-	(2.639.919.798)	(2.639.919.798)
Hao mòn trong năm	-	(544.061.538)	(544.061.538)
Số cuối năm	-	<u>(3.183.981.336)</u>	<u>(3.183.981.336)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>256.080.000</u>	<u>1.169.288.987</u>	<u>1.425.368.987</u>
Số cuối năm	<u>256.080.000</u>	<u>5.554.425.607</u>	<u>5.810.505.607</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng của Bibica Miền Bắc	1.235.395.811	4.838.430.719
Phần mềm ERP	-	3.786.912.714
Chi phí khác	40.670.976	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.276.066.787</u></b>	<b><u>8.625.343.433</u></b>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước tiền thuê đất	24.565.252.136	27.434.088.893
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	7.839.064.474	8.078.425.221
Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	3.954.685.179	2.006.332.073
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	3.235.493.321	2.249.408.358
Khác	199.670.363	2.382.910.275
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>39.794.165.473</u></b>	<b><u>42.151.164.820</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.1)	9.663.057.922	7.166.141.116
Thuế giá trị gia tăng	8.466.757.095	7.864.630.537
Thuế thu nhập cá nhân	1.097.839	109.651.762
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.130.912.856</b>	<b>15.140.423.415</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lương và thưởng	30.867.377.420	20.840.941.801
Chiết khấu bán hàng và hoa hồng	19.839.253.121	27.067.380.126
Chiết khấu bán hàng và hoa hồng của chương trình Tết Nguyên Đán	17.545.458.527	14.952.820.311
Chi phí vận chuyển	6.938.089.260	7.597.277.544
Chi phí quảng cáo	2.799.733.461	3.421.855.092
Khác	3.728.937.655	1.572.616.988
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>81.718.849.444</b>	<b>75.452.891.862</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước từ PVI (*)	53.877.712.560	35.000.000.000
Thu từ thanh lý tài sản bị hư hại do hỏa hoạn phải trả PVI	2.585.740.365	2.585.740.365
Kinh phí công đoàn	684.425.368	839.206.326
Khác	769.787.528	1.469.386.128
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>57.917.665.821</b>	<b>39.894.332.819</b>

(\*) Đây là một phần khoản tiền bồi hoàn bảo hiểm ứng trước từ PVI (Thuyết minh số 7).

**18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng trợ cấp thôi việc	6.575.531.707	-
Nhận ký quỹ thuê văn phòng và mua hàng hóa	4.800.200.000	1.470.616.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.375.731.707</b>	<b>1.470.616.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>						
Số đầu năm	154.207.820.000	302.726.583.351	85.330.469.603	11.562.431.382	25.225.238.289	579.052.542.625
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	44.880.175.418	44.880.175.418
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.792.087.911	1.294.279.240	(6.086.367.151)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.294.279.240)	(1.294.279.240)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(27.757.407.600)	(27.757.407.600)
Số cuối năm	154.207.820.000	302.726.583.351	90.122.557.514	12.856.710.622	34.967.359.716	594.881.031.203
<b>Năm nay:</b>						
Số đầu năm	154.207.820.000	302.726.583.351	90.122.557.514	12.856.710.622	34.967.359.716	594.881.031.203
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	57.792.820.472	57.792.820.472
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	21.887.219.476	2.244.008.771	(24.131.228.247)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.244.008.771)	(2.244.008.771)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(9.252.469.200)	(9.252.469.200)
Số cuối năm	154.207.820.000	302.726.583.351	112.009.776.990	15.100.719.393	57.132.473.970	641.177.373.704

(\*) Quỹ được trích từ lợi nhuận thuần sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 000720/2014/NQĐHĐCĐ ngày 16 tháng 7 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp của các chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>154.207.820.000</u>	<u>154.207.820.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	9.252.469.200	27.757.407.600
Cổ tức đã trả bằng tiền	9.281.433.180	27.728.443.620

**19.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)
Cổ phiếu được phép phát hành	15.420.782	154.207.820.000	15.420.782	154.207.820.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	15.420.782	154.207.820.000	15.420.782	154.207.820.000

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.132.668.949.292</b>	<b>1.059.258.875.844</b>
Trong đó:		
Doanh thu từ bán hàng	1.132.668.949.292	1.059.258.875.844
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(5.954.823.864)</b>	<b>(6.296.256.821)</b>
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại	(2.867.819.410)	(6.296.256.821)
Chiết khấu thương mại	(3.087.004.454)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.126.714.125.428</u></b>	<b><u>1.052.962.619.023</u></b>

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	8.348.984.998	1.996.984.693
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	265.491.790	1.155.653.460
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	166.977.780	-
Cổ tức nhận được	104.961.000	83.046.970
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.886.415.568</u></b>	<b><u>3.235.685.123</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	144.481.704	229.290.170
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	2.451.073.569
Chi phí lãi vay	-	167.228.979
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	7.908.429
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(413.809.300)	(3.023.992.300)
Chi phí khác	-	2.435.915
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(269.327.596)</b>	<b>(166.055.238)</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Nguyên liệu, vật liệu	493.020.009.772	563.820.994.046
Chi phí nhân công	252.935.040.135	180.567.199.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.794.217.696	212.696.048.711
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	40.362.026.936	40.775.275.493
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.044.111.294.539</b>	<b>997.859.517.850</b>

**23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>4.625.695.554</b>	<b>4.364.924.649</b>
Thu nhập từ bán phế liệu	2.697.471.302	2.561.938.556
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	1.556.833.135	1.245.873.183
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	163.627.274
Khác	371.391.117	393.485.636
<b>Chi phí khác</b>	<b>(20.289.253.209)</b>	<b>(5.565.208.433)</b>
Giá trị phế liệu	(1.648.379.741)	(2.256.885.650)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(72.246.784)	(135.159.978)
Xóa sổ giá trị tổn thất, chi phí sửa chữa và phục hồi nhà xưởng và dây chuyền sản xuất không được bồi hoàn từ bảo hiểm	(17.705.130.643)	(1.307.066.208)
Khác	(863.496.041)	(1.866.096.597)
<b>Lỗ khác</b>	<b>(15.663.557.655)</b>	<b>(1.200.283.784)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với mức thuế suất bằng 22% (2013: 25%) thu nhập chịu thuế, ngoại trừ:

Đối với hoạt động đầu tư xây dựng và sản xuất bánh bông lan kem Hura của Bibica Miền Đông, Bibica Miền Đông có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm đầu tiên và thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Bibica Miền Đông được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2008) và được giảm 50% thuế TNDN trong bảy (7) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế ước tính:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>76.095.016.398</b>	<b>57.304.557.750</b>
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	6.575.531.707	-
Phân bổ tiền thuê đất	2.662.506.674	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và chi phí không được trừ	1.535.844.033	1.184.400.120
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	81.385.563	1.249.060.212
Cổ tức nhận được	(104.961.000)	(83.046.970)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(178.648.909)	7.908.429
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>86.666.674.466</b>	<b>59.662.879.541</b>
Thuế TNDN hiện hành ước tính	18.764.645.562	12.743.077.570
Thuế TNDN của các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	70.000.000	478.022.656
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính</b>	<b>18.834.645.562</b>	<b>13.221.100.226</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	7.166.141.116	4.067.927.822
Thuế TNDN đã trả trong năm	(16.337.728.756)	(10.122.886.932)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b> <i>(thuyết minh số 15)</i>	<b>9.663.057.922</b>	<b>7.166.141.116</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**24.2 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại và các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>			
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.267.273.866	-	1.267.273.866	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(37.562.906)	-	(37.562.906)	-
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	99.456.570	796.717.894	(697.261.324)	796.717.894
	<b>1.329.167.530</b>	<b>796.717.894</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>532.449.636</b>	<b>796.717.894</b>

**25. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Giá trị</i>	
Lotte Confectionary Co., Ltd	Cổ đông lớn	Doanh thu từ bán hàng hóa Phí nhượng quyền	7.295.903.057	900.905.269

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Nhóm Công ty bán hàng cho bên liên quan theo các điều khoản thông thường theo các hợp đồng đã được ký kết.

Phí tên và nhãn hiệu thương mại trả cho Lotte Confectionary Co., Ltd được tính trên 1,5% doanh thu theo thỏa thuận trong Hợp đồng ký ngày 16 tháng 9 năm 2009.

Khoản phải thu với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Giá trị</i>	
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Lotte Confectionary Co., Ltd	Cổ đông lớn	Doanh thu từ bán hàng hóa	1.786.168.679	

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và các lợi ích khác	4.222.480.393	3.031.106.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	57.792.820.472	44.880.175.418
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông trong năm ( <i>Thuyết minh số 19.3</i> )	<u>15.420.782</u>	<u>15.420.782</u>
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	3.748	2.910
- Lãi suy giảm	3.748	2.910

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.172.293.559	1.158.218.539
Từ 1 năm đến 5 năm	4.689.174.236	4.632.874.158
Trên 5 năm	<u>43.177.732.728</u>	<u>43.618.275.558</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>49.039.200.523</u></b>	<b><u>49.409.368.255</u></b>

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và mua bán các sản phẩm bánh kẹo. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty bán ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và tiền phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính được niêm yết.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Nhóm Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với rủi ro ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của Nhóm Công ty vào ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Nhóm Công ty là 2.228.658.632 VNĐ (31 tháng 12 năm 2011: 1.814.849.332 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty sẽ giảm khoản 222.865.863 VNĐ (31 tháng 12 năm 2011: 181.484.933 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty sẽ tăng lên khoản 222.865.863 VNĐ (31 tháng 12 năm 2011: 181.484.933 VNĐ).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường*** (tiếp theo)

***Rủi ro về giá hàng hóa***

Nhóm Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Nhóm Công ty không sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng).

***Tiền gửi ngân hàng***

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Phải thu khách hàng***

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng vào ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Ngoại trừ các tài sản tài chính đã được lập dự phòng như được trình bày ở Thuyết minh số 6 và 7, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu khách hàng sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

	Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm		
			Dưới 6 tháng	6 tháng đến dưới 1 năm	Trên 1 năm
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	61.002.128.524	10.945.877.428	46.503.118.393	2.274.938.470	1.278.194.233
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	44.319.606.994	22.461.476.498	20.761.392.416	803.686.741	293.051.339



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản phải trả ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	VNĐ		
	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>2014</b>			
Phải trả người bán	66.425.557.466	-	66.425.557.466
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	<u>108.769.137.845</u>	<u>4.800.200.000</u>	<u>113.569.337.845</u>
	<b><u>175.194.695.311</u></b>	<b><u>4.800.200.000</u></b>	<b><u>179.994.895.311</u></b>
<b>2013</b>			
Phải trả người bán	68.005.785.459	-	68.005.785.459
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	<u>94.506.282.880</u>	<u>1.470.616.000</u>	<u>95.976.898.880</u>
	<b><u>162.512.068.339</u></b>	<b><u>1.470.616.000</u></b>	<b><u>163.982.684.339</u></b>

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản phải trả đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các nhà cung cấp hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý		VNĐ
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng			
<b>Tài sản tài chính</b>							
Đầu tư vào cổ phiếu đang niêm yết	4.897.513.746	(2.668.855.114)	4.897.513.746	(3.082.664.414)	2.228.658.632	1.814.849.332	
Tiền gửi ngắn hạn	35.000.000.000	-	15.000.000.000	-	35.000.000.000	15.000.000.000	
Các khoản phải thu từ bên liên quan	1.786.168.679	-	250.886.780	-	1.786.168.679	250.886.780	
Các khoản phải thu từ bên thứ ba	193.883.526.577	(5.445.941.685)	194.993.893.695	(6.040.568.302)	188.437.584.892	188.953.325.393	
Tiền và các khoản tương đương tiền	252.205.941.806	-	151.707.165.726	-	252.205.941.806	151.707.165.726	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>487.773.150.808</b>	<b>(8.114.796.799)</b>	<b>366.849.459.947</b>	<b>(9.123.232.716)</b>	<b>479.658.354.009</b>	<b>357.726.227.231</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>							
Phải trả người bán			66.425.557.466	68.005.785.459	66.425.557.466	68.005.785.459	
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả			113.569.337.845	95.976.898.880	113.569.337.845	95.976.898.880	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>179.994.895.311</b>	<b>163.982.684.339</b>	<b>179.994.895.311</b>	<b>163.982.684.339</b>	<b>VNĐ</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Nhóm Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt, các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi có kỳ hạn, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn; và
- ▶ Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ("HOSE") tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**31. SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Liên quan đến chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Nhóm Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty.

Phạm Thị Thanh Hương  
Người lập

Ngô Thị Kim Phụng  
Kế toán trưởng



Trương Phú Chiến  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA  
ĐC: 443 Lý Thường Kiệt, Q.Tân Bình, TP.HCM  
ĐT 08 39717920 – Fax 08 39717922  
Số... **000717** /BBC  
(V/v giải trình số liệu đầu kỳ trên BCTC kiểm toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2015

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng Công ty Cổ Phần BiBiCa đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã được kiểm toán tại ngày 31 Tháng 12 năm 2014;

Theo số liệu trên các báo cáo tài chính thì số liệu đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young (E&Y) có sự chênh lệch với số liệu cuối năm của năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC) của Công ty Cổ phần Bibica (gọi tắt là Công ty).

Sự chênh lệch số liệu của từng khoản mục trong Báo cáo kiểm toán được giải thích như sau:

a/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG:

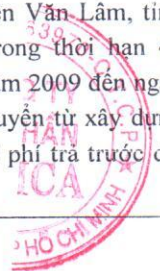
	Số cuối năm 2013	Số đầu năm 2014	Lý do chênh lệch
<b>I/ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	34,330,635,143	3,786,912,714	Số tiền giảm đi 30,543,722,429 đồng do phân loại lại khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang trả thay Bibica Miền Bắc TNHH 30,543,722,429.
Phải thu khác	240,148,257,211	270,691,979,640	Số tiền thêm 30,543,722,429 đồng do phân loại lại khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang trả thay Bibica Miền Bắc TNHH 30,543,722,429.





b/ Báo cáo hợp nhất:

	Số cuối năm 2013	Số đầu năm 2014	Lý do chênh lệch
<b>I/Chi tiêu Bảng cân đối kế toán</b>			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	34,330,635,143	8,625,343,433	Số tiền giảm đi 25,705,291,710 đồng do số tiền mà Nhóm Công ty trả trước cho việc thuê đất tại khu đất nơi nhà máy tọa lạc tại Đường số 206, Khu B, Khu Công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam trong thời hạn 45 năm từ ngày 3 tháng 4 năm 2009 đến ngày 15 tháng 1 năm 2054 chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang chi phí trả trước dài hạn
Chi phí trả trước dài hạn	16,445,873,110	42,151,164,820	Số tiền tăng thêm 25,705,291,710 đồng do số tiền mà Nhóm Công ty trả trước cho việc thuê đất tại khu đất nơi nhà máy tọa lạc tại Đường số 206, Khu B, Khu Công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam trong thời hạn 45 năm từ ngày 3 tháng 4 năm 2009 đến ngày 15 tháng 1 năm 2054 chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang chi phí trả trước dài hạn



Trân trọng,



**Trương Phú Chiến**  
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐC: 443 Lý Thường Kiệt, Q.Tân Bình, TP.HCM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐT 08 997 7920 – Fax 08 39717922

Số 000718/BBC

TP. HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2015

(V/v giải trình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2014 sau kiểm toán)

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Thực hiện Nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nay Công ty cổ phần Bibica gửi kèm theo báo cáo tài chính năm 2014 đã kiểm toán Văn bản giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 giữa BCTC trước và BCTC sau kiểm toán như sau:

**I. Giải trình cho BCTC hợp nhất :**

<b>Kết quả kinh doanh</b>			
<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>BCTC Kiểm toán</b>	<b>BCTC chưa kiểm toán</b>	<b>Lý do chênh lệch</b>
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.126.714.125.428	1.126.714.125.428	
4. Giá vốn hàng bán	735.529.679.300	735.130.328.084	Tính bổ sung lãi chưa thực hiện tính trên giá trị hàng giao dịch nội bộ giữa Công ty TNHH MTV BiBiCa Miền Đông : 399.351.216 đồng.
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	391.184.446.128	391.583.797.344	
7. Chi phí tài chính	(269.327.596)	144.481.704	Điều chỉnh định khoản bút toán hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán sang chi phí QLDN : 413. 809.300 đồng
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	71.584.351.680	71.345.437.593	Giảm Thủ lao HĐQT trích trước trong năm 2014 :348.750.051 đồng.
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	76.095.016.398	76.319.472.401	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.834.645.562	18.901.977.415	Tính lại thuế sau khi điều chỉnh một số bút toán theo ý kiến kiểm toán
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(532.449.636)		Tính bổ sung cho khoản mục chi phí Trợ cấp thôi việc trích trước trong năm 2014 : 6.192.871.908 đồng.
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	57.792.820.472	57.417.494.986	





**II. Giải trình cho BCTC công ty mẹ:**

<b>Kết quả kinh doanh</b>			
<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>BCTC Kiểm toán</b>	<b>BCTC chưa kiểm toán</b>	<b>Lý do chênh lệch</b>
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.140.845.758.269	1.140.845.758.269	
7. Chi phí tài chính	(269.327.596)	144.481.704	Điều chỉnh định khoản bút toán hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán sang chi phí QLDN : 413.809.300 đồng
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.180.651.920	65.283.464.579	Điều chỉnh giảm chi phí trợ cấp thôi việc : 6.192.871.908 đồng
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.235.607.564	68.718.985.605	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.259.756.991	17.979.212.163	Tính lại thuế sau khi điều chỉnh một số bút toán theo ý kiến kiểm toán
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(497.646.233)	-	Tính bổ sung cho khoản mục chi phí Trợ cấp thôi việc trích trước trong năm 2014
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	57.473.496.806	50.739.773.442	

Trân trọng

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA**



**Trương Phú Chiến**

**Tổng Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐC: 443 Lý Thường Kiệt, Q.Tân Bình, TP.HCM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐT 08 39717920 – Fax 08 39717922

Số...000719/BBC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2015

(V/v giải trình lưu ý báo cáo kiểm toán tại báo cáo kiểm toán năm 2014 hợp nhất)

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước

**Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Công ty Cổ phần Bibica (“Công ty”) đã công bố báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam (“EY Việt Nam”). Trong báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được EY Việt Nam phát hành vào ngày 20 tháng 3 năm 2015 có đoạn “Vấn đề cần nhấn mạnh” liên quan đến số tiền bồi hoàn từ Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (“PVI”). Căn cứ vào Điểm 4, Điều 10, Mục 2, Chương II thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty chúng tôi xin có ý kiến giải trình như sau:

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2011 dây chuyền sản xuất bánh Lotte Pie tại Công ty con – Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông đã bị hỏa hoạn. Liên quan đến dây chuyền sản xuất bị hỏa hoạn này, Công ty đã mua bảo hiểm mọi rủi ro cho tài sản, nhà máy, dây chuyền sản xuất và vật tư theo Hợp đồng số 10/15/15/TSKT/PC00867 được ký ngày 15 tháng 6 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí (“PVI”) với tổng giá trị tài sản được bảo hiểm là 220.000.000.000 Việt Nam đồng (“VNĐ”).

Hiện nay, Công ty vẫn chưa thống nhất được với PVI phương pháp xác định giá trị bồi thường. Công ty cũng đã nộp đơn khởi kiện PVI lên Tòa kinh tế tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết. Kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện vẫn chưa được xác định do Tòa án chưa có phán quyết cuối cùng đến ngày này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Nhóm Công ty đang hạch toán các khoản chi phí chi phí mua mới tài sản cố định và chi phí khôi phục và sửa chữa nhà xưởng và dây chuyền sản xuất trên tài khoản phải thu khác trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 126.588.275.371 VNĐ.

Do mức độ quan trọng của vấn đề nêu trên và để lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính, EY Việt Nam đã trình bày nội dung vấn đề này trong đoạn “Vấn đề cần nhấn mạnh” trên Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2015 theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 706 – Đoạn “Vấn đề cần nhấn mạnh” và “Vấn đề khác” trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính.





Trên đây là nội dung giải trình về Báo cáo kiểm toán có đoạn nhấn mạnh của đơn vị kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Kính trình Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xem xét chấp thuận.

Trân trọng,



Trương Phú Chiên  
Tổng Giám đốc

